MS. CHI ENGLISH

Name: _____ **Date:** …/…/2022

Class: S3 **Tel:** 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 3

UNIT 2: FAMILIES – GRAMMAR 1

A. GRAMMAR

1. Past simple with was, were – Thì quá khứ đơn với was, were.

- Thì quá khứ đơn được sử dụng để diễn tả các sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.
- Was, were là 2 dạng của động từ "To be" được chia ở thì quá khứ.

	Was	Were
Chủ ngữ đi cùng	- I / he / she / it - Chủ ngữ số ít (Jane, the cat,…)	- You / we / they - Chủ ngữ số nhiều (children, the dogs,…)
Ví dụ	- **He was** happy yesterday. - **Jane was** at home last week.	- **They were** bored yesterday. - **The children were** hungry this morning.

2. Direct object pronouns – Tân ngữ đại từ trực tiếp: him, her

- Các từ "him" và "her" lần lượt chỉ "anh ấy" và "cô ấy".
- Vị trí của đại từ tân ngữ thường đứng ở sau động từ hành động.

Ví dụ: Do you see **him?** = Bạn có thấy **anh ấy** không?

I really like **her.** = Tôi thực sự thích **cô ấy.**

3. Adverbs of sequence – Trạng từ chỉ thứ tự

- Trạng từ chỉ thứ tự được dùng để diễn tả thứ tự xảy ra sự việc khi có từ hai sự việc trở lên.

	Nghĩa của từ	Cách dùng
First	đầu tiên	First, put the ball on the penalty spot.
Next	tiếp theo	Next, take three steps down.
Then	sau đó	Then, take a deep breath.
Finally	cuối cùng	Finally, kick the ball towards the net.

B. HOMEWORK.

I. Circle the correct answer.

0. The water ***(was / were)*** *cleaner yesterday.*

1. All students **(were / was)** absent *(vắng mặt)* from class two days ago.
2. My uncle and her aunt **(were / was)** friends a long time ago.
3. The bride **(was / were)** taken to the hospital last night.

LIVEWORKSHEETS

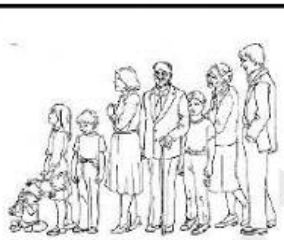
4. We were really tired because our grandson **(was / were)** very naughty.
5. The birthday cake **(was / were)** from their teacher.

II. Rewrite the sentences below by replacing the underlined words with a direct object pronoun.

0. We often wish ***our grandfather*** *good health.*
⇨ *We often wish* ***him*** *good health*_____.
1. Marcus always gives **his sister** some money.
⇨ _____.
2. I have just bought **my uncle** a new watch.
⇨ _____.
3. Everyone congratulated **the bride**.
⇨ _____.

V. Look at the pictures and write the correct letter

~~A. Yesterday, I visited my relatives.~~ B. Then, I came to visit my uncle. C. Next, I met my sister. D. Finally, I visited my cousins. E. First, I met my grandmother.


A


☐


☐


☐


☐

Mrchi English

LIVEWORKSHEETS

Con nghe bài theo link sau:
https://drive.google.com/file/d/1addNSjtKTo8GYqfedwB5iRSipt7bcobL/view
Link dự phòng: *https://www.youtube.com/watch?v=70W7LR6fOWA* ***(0:00 đến 3:56)***

Part 1

– 5 questions –

Movers 5 – Test 2 – Part 1

Listen and draw lines. There is one example.



LIVEWORKSHEETS

I. Circle the correct answer.

*0. Students (**must** / **must not**) pay attention (chú ý) at school.*

1. Sue usually gets up very late at 10 a.m. **(and / or)** 11 a.m.
2. I don't like history **(and / or)** geography.
3. We need water, lemon **(and / or)** sugar to make lemonade.
4. Many teenagers **(must / must not)** come home after 9 p.m.
5. The club **(must / must not)** listen to their fans.

II. Re-arrange the following sentences.

0. I / eleven / have / cousins.

⇨ *I have eleven cousins*.

1. are / There / students / thirty-four / in my class.

⇨ _____.

2. fifty-two / people / I met / yesterday.

⇨ _____.

3. My sister / eating pineapples. / likes

⇨ _____.

4. feeding her dog. / My grandmother / likes

⇨ _____.

5. Many people / reading books. / like / don't

⇨ _____.

Ms.Chi English

LIVEWORKSHEETS